

LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HỌC

ĐOÀN ÁNH DƯƠNG. Văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn

Chuyên ngành: Lý luận văn học

Mã số: 62 22 01 20

Văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000 là một giai đoạn phát triển đa dạng. Sự phổ biến của các lý thuyết văn học mới mẻ, đi cùng với ý thức rất ráo đời mới nghệ thuật của các nhà văn đương đại mở ra cơ hội cho những tiếp cận sâu rộng vào giai đoạn văn học này. Nhìn nhận văn học trong không gian văn học này hứa hẹn sẽ đúc rút được một số vấn đề cần thiết cho việc nhận thức văn học Việt Nam đương đại. Và trên thực tế, đã có một số công trình bước đầu tổng kết văn học Việt Nam từ sau năm 1975 nói chung và văn học thời kỳ Đổi mới và hội nhập nói riêng, từ những góc độ khác nhau, dù vẫn chủ yếu trên nền tảng những tiếp cận văn học tự thân. Vì thế, bổ sung các tiếp cận văn học trong những không gian văn hóa và xã hội là cần thiết, không chỉ để đánh giá đúng thực trạng văn học trong văn cảnh của nó, mà còn có thể đề xuất những vấn đề lý luận chính từ các văn bản văn hóa ấy. Với lý do đó, NCS. Đoàn Ánh Dương đã lựa chọn chủ đề “Văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” cho luận án tiến sĩ của mình.

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án được triển khai thành 4 chương.

Chương 1: *Tổng quan tình hình nghiên cứu*

Chương 2: *Kinh nghiệm thẩm mỹ của văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000*

Văn học Việt Nam từ Đổi mới thể hiện sự phân hóa trong “kinh nghiệm thẩm mỹ” của cộng đồng sáng tạo và diễn giải văn học. Nhìn nhận không gian văn học thời đổi mới như một “sự kiện xã hội tổng thể”, Luận án tổng kết một số vấn đề thực tiễn và lý luận từ bình diện mối tương thuộc giữa văn chương và xã hội, nhằm hướng tới việc nghiên cứu văn học từ/như là văn hóa; diễn giải nó dựa trên quan điểm tiếp cận trường hợp.

Không gian xã hội Việt Nam từ Đổi mới có nhiều cởi mở hơn, lấy cải cách kinh tế làm trọng điểm và từng bước dân chủ hóa đời sống xã hội để làm cơ sở cho việc đổi mới từng bước hệ thống chính trị. Điều này đã tác động tích cực đến đời sống tinh thần người dân, trong đó văn học nghệ thuật cũng nhận cơ hội này đẩy nhanh quá trình chuyển hóa và đổi mới. Đây là thời điểm mà ý thức nở rộng biên độ của kinh nghiệm thẩm mỹ trong văn học thường trực được đặt ra, tạo thế năng cho những hành động nhận chân và vươn tới những giá trị và khả thể thẩm mỹ mới.

Kinh nghiệm thẩm mỹ trong văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000 được thể hiện ở hai lát cắt, hai trường hợp nhận thức về văn học quá khứ và tiếp nhận văn học nước ngoài, để thấy những chuyển động trong quan niệm, cái nhìn về văn học nghệ thuật đương thời. Song cái khung khổ mà văn học từ Đổi mới không vượt qua được là khung khổ chính trị. Mối quan hệ giữa văn học và chính trị là vấn đề được đem ra thảo luận nhưng không đi được đến kết luận rốt ráo. Cái làm nên khung khổ quy chiếu văn học nằm chính trong ý thức chính trị của nhà văn, nhà nghiên cứu và bạn đọc. Nó xuất phát từ hệ

thống triết mỹ gần như là duy nhất được phổ biến ở Việt Nam lúc bấy giờ, là chủ nghĩa Marx-Lenin và ít nhiều cùng với nó là những chuyển dịch trong lý luận Maoist được tiếp nhận, làm cho người ta luôn bị quy chiếu bởi các nguyên lý tính đảng, tính giai cấp và quan điểm phản ánh luận. Nhà văn rất khó để trừu xuất bản thân ra khỏi tư tưởng hệ đã thấm đẫm trong tâm trí và phổ biến trong các không gian chính trị, xã hội và văn hóa, không tách bạch được tư cách nhà văn và tư cách đảng viên hay các tư cách phận vị xã hội khác để cất tiếng nói độc lập.

Sự giãn nở của kinh nghiệm thẩm mỹ, vì vậy, phụ thuộc vào việc chuyển dịch văn học nước ngoài; việc truy cầu những nhân tố hợp lý của lý thuyết mác xít, diễn giải và diễn giải lại những tư tưởng từ cội nguồn các nhà kinh điển Marx, Engels,... vốn trước kia diễn giải chưa chính xác hay chưa đầy đủ; việc giới thiệu rộng mở và đa dạng các lý thuyết phi mác xít. Đây là những nhận thức và trải nghiệm mới mẻ, nên có khả năng kích ứng rất đáng kể.

Chương 3: *Những nhận thức và trải nghiệm mới của nhà văn Việt Nam giai đoạn 1986-2000*

Trong bối cảnh của cuộc Đổi mới, văn học bộc lộ qua những nhận thức và trải nghiệm mới của nhà văn. Đây là giai đoạn mà thiết chế chính trị đã thúc đẩy đáng kể sự đổi mới của văn học thông qua các ý kiến chỉ đạo cởi mở của lãnh đạo cao cấp, thể chế hóa trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Nhà nước. Ở giai đoạn này, nhà văn thực sự đã lĩnh xướng sự nghiệp cách tân văn học bằng tất cả khả năng và giới hạn của mình. Luận án đi sâu tìm hiểu vai trò xã hội của nhà văn trong bối cảnh này. Ở đó, cũng như các nỗ lực diễn giải, đời sống sáng tạo văn học cũng có những thay đổi quan trọng ở “đêm trước” của Đổi mới, khi văn học

bước từ thời chiến sang thời bình. Ý thức về đời sống hòa bình, về xã hội dân sự,... đã chiếm nhiều phần ưu tư của văn học. Và cùng với đó là các nỗ lực tiếp cận văn học nghệ thuật nước ngoài. Nền văn học của thời bình và của các liên kết quốc tế rộng mở đang hình thành ở Việt Nam từ Đổi mới.

Đổi mới, với khẩu hiệu “đổi mới tư duy, nhìn thẳng vào sự thật” đã bước đầu gọi ra vấn đề dân chủ và tự do sáng tác. Và từ Đổi mới, văn học đã chuyển biến với “logic quanh co của các thể loại” trong môi trường mới, thể hiện sáng rõ nhu cầu đổi mới cái nhìn và bút pháp nghệ thuật ở hai khía cạnh cơ bản: *Nhận thức mới quá khứ khi viết về chiến tranh thời hậu chiến* và *Trải nghiệm mới đời sống khi viết về thể sự và đời tư*. Văn học viết về chiến tranh và người lính thời hậu chiến đã cung cấp cho cuộc đổi mới hai thực tiễn quan trọng, đó là: lần đầu tiên “hiện thực” được xuất hiện ở dạng số nhiều và con người được hiện diện trong khả thể phức tạp và đa dạng của nó. Còn văn học về thể sự, đời tư đã trở thành một kinh nghiệm đáng kể trong xu hướng dân chủ, dân sự hóa đời sống. Khi đã có các nhận thức và trải nghiệm mới về đời sống dân sự và tinh thần dân chủ, thì kinh nghiệm của mô hình phản ánh đã không còn nhiều khả dụng.

Bên cạnh đó, đề cập đến nhận thức và trải nghiệm trong đa dạng các tiếp nhận văn học nước ngoài, luận án chú trọng hơn tới việc tìm hiểu trường hợp chuyển dịch văn học Mỹ Latinh như một gợi mở về lối viết, và việc tiếp nhận lý thuyết phương Tây như một chuyển đổi mô hình diễn giải văn học. Sự phổ biến của lý thuyết phương Tây hiện đại đã có tác động không nhỏ đến thao tác diễn giải văn học nghệ thuật, thậm chí còn tạo được hiệu ứng trong sáng tác, như sự phổ biến kinh

nghiệm “đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết phương Tây hiện đại” đã nhiều ít vang bóng trong sáng tác của một lớp các nhà văn mới. Cùng với việc chuyển dịch tác phẩm, việc chuyển dịch lý thuyết, vì thế, đem lại những nhận thức và trải nghiệm mới mẻ cho nhà văn, nhà nghiên cứu Việt Nam từ đổi mới.

Chương 4: *Những can thiệp xã hội của văn học Việt Nam giai đoạn 1986-2000 qua một số diễn ngôn nổi bật*

Diễn ngôn văn học từ Đổi mới và những tác động giữa văn học và xã hội biểu hiện ý thức hệ sâu sắc nhất là những suy ngẫm về dân tộc và bản sắc văn hóa dân tộc. Sau nhiều năm định hình trong ý thức hệ cộng sản, văn hóa, văn học Việt Nam có cơ hội giao lưu rộng mở với thế giới, nhất là thế giới đa dạng đã bị phá vỡ thế lưỡng phân ta-địch vì sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh và sự sụp đổ của biểu tượng bức tường Berlin. Sự phân hóa là một tất yếu khi người ta phải đứng trước những đa dạng văn hóa, quan điểm tư tưởng và thành tựu khoa học kỹ thuật. Trở về với dân tộc, bảo vệ bản sắc dân tộc cùng với nỗ lực hiện đại hóa, hội nhập quốc tế là một quan hệ đối lập mang tính biện chứng, một biểu hiện mang tính hai mặt.

Sau Đổi mới, có một xu hướng đi tìm tính tự trị của văn học. Tái nhìn nhận mối quan hệ giữa văn học và chính trị là khởi động đầu tiên. Tiếp sau đó là quá trình tái xác định đặc trưng, thuộc tính và chức năng của văn học theo hướng nhấn mạnh đến tính thẩm mỹ. Quá trình này chủ yếu dựa trên những biểu hiện của mối quan hệ giữa giá trị thương mại của đời sống xuất bản và giá trị thẩm mỹ của văn học. Kết quả khảo sát của Luận án cho thấy, ở giai đoạn đầu, chức năng thẩm mỹ và giải trí được đặt ra và đặt trên chức năng nhận thức và giáo dục như là một sự làm khác

đi những nguyên lý văn học trước kia. Song ngay khi văn học giải trí phát triển nhanh mạnh thì người ta lại dè dặt với nó. Sự ngập ngừng ấy làm cho ý thức đi tìm sự tự trị trở nên không khả thi. Chỉ một bộ phận ở giai đoạn sau đó truy cầu sự tự trị này bằng các nỗ lực đổi mới nghệ thuật tiểu thuyết, đổi mới thi pháp thơ, đổi mới lý luận phê bình văn học, để cuối cùng vẫn hòa nhập với diễn ngôn văn học dòng chính là chủ nghĩa dân tộc.

Bên cạnh đó, Luận án cũng tìm hiểu vấn đề *tự sự về dân tộc* - hình thức mà nhà văn (và văn học) ngoái lại chính không gian văn hóa và xã hội đã hình thành và sản sinh ra nó, quy chiếu và định hình nên nó, ở một số trường hợp tạo thành bước ngoặt trong quá trình sáng tạo và diễn giải văn học ở Việt Nam thời đổi mới. Cùng với đó, định vị bản sắc (văn hóa) dân tộc cũng được tìm hiểu ở hai trường hợp nổi bật: *Vấn đề bản sắc dân tộc qua mấy cuộc tranh luận thơ* và *Bản sắc dân tộc qua cuộc tranh luận về việc “hội nhập văn hóa” của văn học Việt Nam*.

Việc khảo sát đời sống xuất bản như là trạm trung chuyển văn học tới đời sống và khảo sát đời sống như là môi sinh của văn học, thông qua diễn ngôn văn học tự trị, diễn ngôn chủ nghĩa dân tộc và nền chính trị vị bản sắc cho thấy, có thể dễ dàng hình dung ra một quá trình văn học đã được hình thành ở giai đoạn này. Quá trình ấy là *thoát khỏi sự quy chiếu trực tiếp của chính trị văn hóa để đi tìm sự tự trị của mình rồi tự/bị quay lại chịu sự quy chiếu của văn hóa chính trị*.

Luận án được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp học viện, họp tại Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2015.

HB.
giới thiệu